

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 55/2020/HS-ST

Ngày 20 - 5 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Brúk và ông A Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. A C. Tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1996, tại Kon Tum. Nơi cư trú: Thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A K, sinh năm 1967 bà Y P1, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến nay “có mặt”.

1. A P. Tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1998, tại Kon Tum. Nơi cư trú: Thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A P2, sinh năm 1977 bà Y S, sinh năm 1981; bị cáo chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến nay “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 20/01/2020, A C và A P cùng uống rượu tại thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum, đến khoảng hơn 23 giờ cùng ngày thì về nhà A P để ngủ. Tại đây, A P có nói với A C “*Buồn quá, góp tiền lấy đồ chơi*” (*Buồn quá, góp tiền mua ma túy đá về sử dụng*) thì A C đồng ý và trả lời “*Ừ, góp bao nhiêu?*”, A P nói “*hai trăm rưỡi*” (250.0000 đồng). Sau đó, A C và A P mỗi người góp

250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng được 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để mua ma túy, số tiền này do A C giữ. Ngay lúc này, A C gọi điện thoại cho một người thanh niên (Không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy với giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) thì được người này đồng ý và hẹn ra bùng binh D, phường T, thành phố K để trao đổi mua, bán ma túy. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21/01/2020 A P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1-644.60 (Kiểu dáng Honda Blade, màu trắng đen) chở theo A C đi đến điểm hẹn mua, bán ma túy. Khi đến nơi, A C giơ tay lên cao thì có một người thanh niên bịt khẩu trang kín mặt đi xe mô tô (Không rõ biển kiểm soát) lại gặp A C, A C đã đưa người này tiền và được người thanh niên này đưa lại cho 01 (một) gói ma túy đã đựng trong bì nilông dán kín và nói với A C “Về đi rồi xóa số của tao luôn” rồi bỏ đi. Sau khi mua được ma túy, A C cất giấu trong túi quần bên phải của mình rồi cùng A P đi về. Trên đường về A C đã xóa số điện thoại của người thanh niên bán ma túy cho A C. Đến khoảng gần 02 giờ ngày 21/01/2020 khi cả hai về đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum thì bị Công an xã V, thành phố K kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện bắt quả tang A C cất giấu 01 (một) gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì nilông dán kín trong túi quần bên phải. Tại đây, A C và A P khai nhận 01 (một) gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì nilông dán kín là ma túy đá (ma túy tổng hợp) do A C và A P góp tiền mua về để sử dụng. Công an xã V, thành phố K đã bàn giao A C và A P cùng tang vật cho Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Ma túy - Công an thành phố K thụ lý theo thẩm quyền. Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với A C và A P về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, lập biên bản niêm phong tang vật, thu giữ đồ vật có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số: 21/KLGD-PC09, ngày 22/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K, kết luận: Mẫu chất tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M) được niêm phong trong phong bì gửi giám định là **ma túy**, có khối lượng: **0,7160 gam (Không phải bảy nghìn một trăm sáu mươi gam)**, là loại **Methamphetamine**.

- Vật chứng của vụ án:

+ 0,6589 gam (Không phải sáu nghìn năm trăm tám mươi chín gam) Methamphetamine (Số ma túy còn lại sau khi giám định);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xám đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

+ 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Honda Blade, màu trắng đen, BKS: 82B1-644.60, Số khung: 3636GY108025, số máy: JA36E0618472, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Bản cáo trạng số: 55/CT-VKSTPKT ngày 08/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo A C và A P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng cũng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo A Cg và bị cáo A P mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù. Về vật chứng vụ án đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa xét xử, các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua phân xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo A C và A P đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình là: Vào ngày 21/01/2020, tại đường liên thôn thuộc thôn K, xã V, thành phố K, A C và A P bị lực lượng công an bắt quả tang về hành vi tàng trữ 01 (*Một*) gói ma túy có khối lượng **0,7160 gam (*Không phải bảy nghìn một trăm sáu mươi gam*)**, là loại: **Methamphetamine**. A C, A P cũng đã khai nhận tàng trữ số ma túy trên với mục đích để sử dụng.

[3] Khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, tàng trữ ma túy là loại **Methamphetamine** khối lượng được xác định là **0,7160 gam** loại ma túy này được quy định trong danh mục thuộc Nghị định số: 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ bị cấm tàng trữ và có tổng khối lượng được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi đó của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến các quy định về chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với việc cất giữ các chất ma túy, không những vậy mà các bị cáo sử dụng còn gây tổn hại cho sức khỏe của bản thân các bị cáo, đồng thời gây nên dư luận xấu và hoang mang cho nhân dân địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo vì nghiện ma túy nên góp tiền mua để sử dụng chung chứ không vì mục đích nào khác và không có sự bàn bạc phân công vai trò. Trong vụ án này thì bị cáo A P là người khởi sướng nhưng A C là người thực hành tích cực nên khi quyết định hình phạt

Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc cả hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau là phù hợp với tính chất mức độ hành vi của mỗi bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo không ai phải chịu tình tiết nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét thấy rằng: cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

[6] Đối với đối tượng bán ma túy cho các bị cáo không biết lai lịch cụ thể, chưa có cơ sở để xử lý đối với người bán ma túy cho các bị cáo nên không thể xử lý theo quy định của pháp luật nên không đề cập đến nữa.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,6589 gam (*Không thấy sáu nghìn năm trăm tám mươi chín gam*) Methamphetamine (*Số ma túy còn lại sau khi giám định*); Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xám đã qua sử dụng; 01 (*một*) xe mô tô kiểu dáng Honda Blade, màu trắng đen, BKS: 82B1-644.60 là tài sản của bị cáo A C còn giá trị sử dụng mà bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội.

[8] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo A C và A P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A C 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/01/2020.

Xử phạt bị cáo A P 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/01/2020.

- Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,6589 gam (*Không thấy sáu nghìn năm trăm tám mươi chín gam*) Methamphetamine. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 (*một*) xe mô tô biển số BKS: 82B1-644.60 (Các vật chứng này có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/4/2020 giữa cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an thành phố Kon Tum với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum).

- Về án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Áp dụng Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo A P và A C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND TP K;
- VKSND Tỉnh K;
- Cơ quan điều tra TP K;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung